TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2018/HS-ST
Ngày: 09-02-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Duy Tỏi và ông Nguyễn Ngọc Nghiêm

- Thư ký phiên toà: ông: Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Xuê - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở TAND Thanh Miện xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2018/HSST ngày 05-01-2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/HSST- QĐXX ngày 29 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

VŨ HOÀNG L, sinh năm 1981;

ĐKHKTT: khu 6 - thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: lớp 12/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Vũ Đức H và bà Vũ Thị Ch, có vợ là Vũ Thị V, sinh năm 1982 và 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 28-8-2005, bị Công an quận Cầu Giấy, TP Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Chiếm giữ trái phép tài sản".

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21-10-2017 đến ngày 23-10-2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tam giam Công an tỉnh Hải Dương, có mặt.

**** Người bị hại:***

Anh **Vũ Đình T**, sinh năm 1967 và bà **Bùi Thị T**, sinh năm 1970.

Đều trú tại: thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương, có mặt.

**** Người làm chứng:***

1. Anh Ngô Văn X, sinh năm 1974 và chị Đỗ Thị Á, sinh năm 1974.

Đều ĐKHKTT: thôn P, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương, đều vắng mặt.

2. Anh Vũ Văn G, sinh năm 1990.

ĐKHKTT: thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương, có mặt.

3. Chị Vũ Thị V, sinh năm 1982.

ĐKHKTT: khu 6 - thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Ngô Văn X có quen biết từ trước với Vũ Hoàng L và được L giới thiệu là có khả năng xin việc vào cơ quan Nhà nước. Do tin tưởng nên anh X đã giới thiệu cho người quen cùng xã là ông Vũ Đình T xin việc cho con trai là anh Vũ Văn G. Khoảng tháng 7-2011, khi L đến nhà anh X chơi, tại đây, L gặp và nói dối với ông T có thể xin việc cho anh G (con trai ông T) vào làm việc tại Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới H, chi phí xin việc là 265.000.000 đồng và yêu cầu gia đình ông T đặt cọc trước 50.000.000 đồng. Gia đình ông T tin tưởng L có thể xin việc cho con trai mình nên đồng ý. Do vợ chồng anh X còn nợ ông T 50.000.000 đồng nên ông T yêu cầu anh X chuyển cho L số tiền này, anh X đã đưa cho L 50.000.000 đồng. Đến tháng 9-2011, L nói dối muốn xin vào trung tâm đăng kiểm thì phải có giấy phép lái xe ô tô, do anh G không có giấy phép lái xe ô tô nên ngày 23-9-2011, ông T đã đưa anh X số tiền 12.500.000 đồng để đưa cho L, sau đó anh X đã đưa cho L số tiền trên. Khoảng 10 ngày sau, L hẹn vợ chồng ông T và anh X đến nhà L thuê tại 105 đường T, thị trấn K, huyện B. Tại đây, L đưa cho vợ chồng ông T và anh X xem tờ quyết định tuyển dụng, L nói là của Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới H, nhận anh G vào làm việc từ ngày 28-4-2012. L yêu cầu viết cam kết bảo lãnh để anh G khi vào làm tuân thủ nội quy của Trung tâm, sau đó L lấy lại tờ quyết định đó và nói khi nào nhận quyết định tại nơi làm việc, là chỗ L quan hệ quen biết nên lấy được cho xem trước. Ngày 30-10-2011, L gọi điện cho ông T đưa cho L số tiền chi phí xin việc còn lại. Khoảng 23 giờ cùng ngày, L đi ô tô không rõ biển số chở anh X đến nhà ông T để lấy tiền. Do tin tưởng L đã xin được việc làm cho con trai mình nên tại nhà mình, ông T đưa cho L số tiền 215.000.000 đồng dưới sự chứng kiến của anh X, L viết giấy với ông T đã nhận đủ số tiền 265.000.000 đồng, cam kết nếu không xin được việc cho anh G sẽ trả lại tiền. Đến đầu năm 2012 anh G không được đi làm, không thấy L đưa đi thi giấy phép lái xe ô tô, nên gia đình ông T nhiều lần gặp L để hỏi và đòi lại tiền nhưng L chỉ trả số tiền 70.000.000 đồng sau đó bỏ trốn. Ngày 21-10-2017, L ra đầu thú tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Miện.

Tại bản cáo trạng số: 02/VKS-HS ngày 03-01-2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện truy tố bị cáo Vũ Hoàng L về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên toà: Bị cáo nhận tội như tại cơ quan điều tra, nhất trí với việc truy tố của VKSND huyện Thanh Miện và đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố tại bản cáo trạng nêu trên và đề nghị HĐXX:

- *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Vũ Hoàng L phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

- *Về hình phạt chính*: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Xử phạt bị cáo Vũ Hoàng L từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 21-10-2017.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: áp dụng khoản 1 Điều 42 BLHS, khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 590; Điều 357 BLDS 2015. Buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Vũ Đình T và bà Bùi Thị T số tiền 207.500.000 đồng;

- *Về án phí*: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Mặc dù không có chức năng tuyển dụng lao động, không có khả năng xin việc, nhưng khi biết vợ chồng ông T, bà T có nhu cầu xin việc cho con trai là Vũ Văn G, bị cáo đã hứa hẹn, dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra những thông tin sai sự thật làm cho người bị hại tin L có thể xin việc cho anh G vào làm việc ở Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới H nhằm chiếm đoạt tiền của vợ chồng ông T, bà T đã cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại Điều 139 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo chiếm đoạt tổng số tiền 277.500.000 đồng nên L phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm a khoản 3 Điều 139 BLHS, như cáo trạng VKSND huyện Thanh Miện đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, Vũ Hoàng L khai toàn bộ giấy tờ, bài thi, quyết định đi làm của anh G đều do người đàn ông tên Th làm ở Sở giao thông vận tải H đưa cho L. Trong số tiền 277.500.000 L nhận của ông T, bà T, L đã chuyển cho người tên Th 200.000.000 đồng, còn 77.500.000 đồng L đã chi tiêu cá nhân hết. Quá trình điều tra xác định lời khai của L về người tên Th nhận tiền, hồ sơ xin việc là không có căn cứ. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm toàn bộ hành vi phạm tội của mình gây ra.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật, nhưng do lười lao động và coi thường kỷ cương pháp luật, đã cố ý chiếm đoạt tài sản của người khác trái pháp luật, do vậy, cần phải xem xét, xử lý nghiêm.

[3] Xét tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng đã từng bị xử lý hành chính về hành vi chiếm giữ trái phép tài sản của

người khác, tuy đã được xoá tiền sự nhưng chứng tỏ bị cáo không phải là người có nhân thân tốt. Mặc dù quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường cho ông T, bà T một phần để khắc phục hậu quả và có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, nhì và huy chương kháng chiến hạng nhất, nhì nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 BLHS; Sau khi phạm tội và bị truy nã, biết không thể trốn tránh nên bị cáo rã ra đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ "đầu thú" quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, HĐXX sẽ xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Song dù có giảm nhẹ vẫn cần thiết buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian để chấp hành hình phạt tù mới đủ tác dụng giáo dục riêng bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa đối với loại tội phạm này.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 139 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự; Bị cáo đã chiếm đoạt tổng số tiền 277.500.000 đồng của vợ chồng ông T, bà T. Quá trình điều tra, bị cáo đã bồi thường cho ông T, bà T số tiền 70.000.000 đồng, người bị hại yêu cầu bị cáo còn phải bồi thường số tiền 207.500.000 đồng. Vì vậy, cần buộc bị cáo bồi thường cho ông T, bà T số tiền 207.500.000 đồng.

Đối với chiếc ô tô bị cáo sử dụng đến nhà ông T để lấy tiền là do mượn của người khác không nhớ tên, tuổi, địa chỉ, biển kiểm soát; sau khi mượn đã trả lại cho chủ sở hữu. Chiếc điện thoại di động, bị cáo L sử dụng vào việc phạm tội sau đó đã làm mất; tờ quyết định đi làm và các tài liệu ôn thi đã đưa cho đối tượng tên Th đến nay Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Miện không thu hồi được nên không đặt ra giải quyết.

Trong vụ án này, anh Ngô Văn X, chị Đỗ Thị Á, chị Vũ Thị V (vợ bị cáo L) không biết L dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của ông T, bà T nên không có căn cứ để xử lý là phù hợp.

[6] Về án phí: Bị cáo bị kết luận phạm tội và phải bồi thường về dân sự nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999;

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Hoàng L phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Xử phạt: Bị cáo Vũ Hoàng L 07 *(bảy)* năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 21-10-2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 42 BLHS, khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 590; Điều 357 BLDS 2015. Buộc bị cáo Vũ

Hoàng L phải bồi thường cho vợ chồng ông Vũ Đình T và bà Bùi Thị T, địa chỉ: thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương số tiền 207.500.000 đồng;

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS 2015, nếu không thoả thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Vũ Hoàng L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 10.375.000 đồng án phí dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người bị hại vắng mặt khi tuyên án. Báo cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện,
- Công an huyện Thanh Miện,
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Văn Quân